

Chùa Bà (Chợ Lớn) tọa lạc tại số 710 đường Nguyễn Trãi, phường 10, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, là một trong những ngôi chùa cổ của người Hoa. Theo lời truyền thì khoảng năm 1760 bắt đầu quyên tiền lập chùa. Chùa Bà (Chợ Lớn) được nhóm người Hoa Quảng Đông ở huyện Tuệ Thành (Trung Quốc) đã rời bỏ làng quê sang Việt Nam góp vốn và góp công xây dựng chùa. Bên cạnh chùa còn có Tuệ Thành Hội Quán là nơi quy tụ của nhóm người Hoa Quảng Đông.



Chùa được gọi là chùa Bà (Chợ Lớn), tên chữ Hán là Thiên Hậu miếu, người Việt Nam gọi là chùa Bà Thiên Hậu, người Hoa còn gọi là "Phò Miếu". Từ trước đến nay, chùa trải qua 4 lần trùng tu lớn 1800, 1842, 1890, 1916.

Chùa thờ bà Thiên Hậu là chính. Bà được người Quảng Đông gọi là "A Phò" (Đức Bà). Theo tước phong của phong kiến Trung Quốc thì gọi bà là Thiên Hậu thánh thánh Mẫu. Người Phúc Kiến và Hải Nam thích gọi bà là "Đạo Mẫu". Bà được đại bộ phận người Hoa tôn thờ, thành kính nhất trong các thần và dành thờ ở ngôi chùa trang trọng, to lớn nhất của khu vực.

Truyền thuyết về bà tuy có sự khác biệt ít nhiều nhưng chủ yếu vẫn là sự linh hiển của bà, một người phụ nữ Hoa có lòng hiếu thảo, có đức hạnh...Đề cao bà, ngưỡng mộ và thành kính bà, người Hoa muốn qua đó giáo dục cho cộng đồng mình hãy noi gương bà và học tập theo lòng hiếu thuận đối với cha mẹ, xả thân vì mọi người như bà. Mặt khác, khi sang Việt Nam lập nghiệp, trên bước đường nguy nan, bị đe dọa bởi sóng gió, người Hoa cầu nguyện đến bà và giờ đây được an cư lạc nghiệp ở quê hương thứ hai này, người Quảng Đông thờ bà để tỏ lòng biết ơn sâu xa đối với sự phù trợ của bà. Chùa Bà có vị trí quan trọng đối với người Hoa Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu... và cả người Việt.

Chùa xây theo hình ấn, là kiểu kiến trúc đặc trưng của người Hoa, đây là tổ hợp 4 ngôi nhà liên kết nhau tạo thành mặt bằng giống hình chữ "khẩu" hoặc chữ "quốc". Sát bên hông chùa là trường Hoa Tuệ thành học viện trước kia, nay là trường Mạc Kiếm Hùng. Trang thờ Bà đặt tại chính điện, hai bên thờ bà Kim Huệ (Bà mẹ sinh Mẹ Đậu) và Long Mẫu nương nương (phía trái). Góc phải có chuông đồng niên hiệu Càn Long năm thứ 60 (1796). Trong tủ kính có tượng Bát tiên và tướng lĩnh của Ariès ký tên cấm các binh sĩ Pháp và Y Pha Nho phá phách trong chùa. Tướng lĩnh được giữ từ khoảng năm 1860. Phần trung điện không đặt trang thờ mà đặt bộ lư phát lam mang nhãn hiệu Quang Tự thứ 12. Hai bên bộ lư là kiệu sơn son thiếp vàng, bằng gỗ tốt, dành rước bà vào ngày vía bà (23 tháng 3 âm lịch) với chiếc thuyền rồng chạm hình nhân, rước theo cùng với kiệu bà. Tiền điện từ ngoài cổng bước vào là hai trang thờ hai bên: Phúc Đức Chánh thần (phải) và Môn Quan Vương Tả (trái). Gian phụ nằm hai bên chính điện thờ Quan Thánh, Địa Tạng, Thần Tài.

Vật liệu xây cất chùa chở từ Trung Quốc sang. Trang trí chùa sử dụng hình ảnh Tứ Linh (Long, Lân, Quy, Phụng) và trang chữ Hán, hình nhân...

Ngoài các ngày vía quan trọng, chùa bà còn có một số ngày thu hút đông đảo khách thập phương như rằm tháng giêng, tháng bảy, tháng mười. Trước ngày giải phóng, lễ vía Bà kéo dài hàng tuần, cúng kiến lễ vật linh đình, có khi đến 200 heo quay. Đêm đến có múa lân, hát Tiều, hát Quảng, đèn treo rực rỡ...Người ta đặt tượng vào kiệu sơn đỏ, khiêng qua các khu phố. Đi theo kiệu có rước thuyền và nghi trượng, ghi tên các vị thần thờ tại chùa.

Các cơ sở hoạt động từ thiện xã hội của chùa Bà là trường học (Mạc Kiếm hùng) và bệnh viện (Nguyễn Tri Phương ngày nay). Chùa Bà đóng góp nhiều vào công việc công ích xã hội. Chùa cũng là cơ sở cách mạng do Mạc Kiếm Hùng hoạt động chủ yếu.